TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 931/2023/HC-PT
Ngày: 25 - 10 - 2023
V/v Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Nhựt Bình

Các Thẩm phán: Ông Phạm Trí Tuấn

Ông Phan Tô Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Phú Cường - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Vũ Thanh Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 10 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 547/2023/TLPT-HC ngày 11 tháng 8 năm 2023 về việc "Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 04/2023/HC-ST ngày 02 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2564/2023/QĐPT-HC ngày 03 tháng 10 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* Bà Lê Thị T, sinh năm 1957 (có mặt);

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Bà Quách Thị Phương T1, sinh năm 1989 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp N, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh

(Văn bản ủy quyền ngày 16/10/2023);

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư Đinh Thái H – Công ty L, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh T (có mặt).

- *Người bị kiện*:

1/ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thanh N – Chủ tịch (xin vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T:

- Ông Trần Văn Q, chức vụ: Phó giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T (có mặt);

- Ông Nguyễn Hữu T2 - Viên chức Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Tây Ninh (có mặt);

- Ông Lương Nguyễn Đằng D, chức vụ: Phó Giám đốc Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh T (xin vắng mặt)

- Ông Nguyễn Bảo C, chức vụ: Trưởng phòng Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận thuộc Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh T (xin vắng mặt).

2/ Ủy ban nhân dân huyện T.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Ngọc T3 – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân huyện T: Ông Nguyễn Huy G, chức vụ: Phó trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T (có mặt).

3/ Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Ngọc T3 – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Ủy ban nhân dân huyện T: Ông Nguyễn Huy G, chức vụ: Phó trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Vườn Quốc gia L - X.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Tạ Ngọc D1, chức vụ: Phó Giám đốc Vườn Quốc gia L - X (có mặt)

- *Người kháng cáo:* Người khởi kiện là bà Lê Thị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26-02-2019, bản tự khai ngày 15-01-2019 và lời trình bày của bà Lê Thị T, chị Quách Thị Phương T1 tại phiên tòa sơ thẩm thể

hiện:

Năm 1989, bà T nhận chuyển nhượng phần đất khoảng 02 ha tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh của ông Nguyễn Văn P; có lập giấy sang nhượng nhưng đã thất lạc, bà kê khai đăng ký và đã được Ủy ban nhân dân huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01391 QSDĐ/37/QĐ-UB(H) ngày 01-6-2000 diện tích 20.314 m^2 thuộc thửa 144, tờ bản đồ 16A tại xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

Ngày 17-9-2008, Ủy ban nhân dân huyện T ban hành Quyết định số 182/QĐ-UBND thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà với lý do diện tích 20.314 m^2 thửa 144, tờ bản đồ 16A thuộc xã T, huyện T nằm trong quy hoạch đất lâm nghiệp Vườn Quốc Gia L - Xa Mát; Ủy ban cho rằng do trước đây ranh giới chưa rõ ràng nên cấp chồng lên đất của dự án. Bà đã khiếu nại Quyết định 182 đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T. Ngày 17-3-2014, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T ban hành Quyết định số 280/QĐ-UBND giữ nguyên Quyết định số 182. Bà tiếp tục khiếu nại đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T. Ngày 26-4-2018, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T ban hành Quyết định số 1145/QĐ-UBND không chấp nhận khiếu nại của bà, giữ nguyên Quyết định số 182 và Quyết định số 280.

Bà cho rằng tất cả các quyết định số 182, 280 và 1145 nêu trên đều trái quy định của pháp luật, xâm phạm đến quyền sử dụng hợp pháp của bà bởi lẽ: Kết luận số 01/KL-TTr ngày 29-3-2011 của Thanh tra Ủy ban nhân dân huyện T nêu tại xã T các trường hợp cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sai quy định chỉ có 02 hộ là hộ ông Dương Văn H1 và bà Đinh Thị Ngọc M, không có tên của bà, nhưng Uỷ ban nhân dân tỉnh không căn cứ vào kết luận này mà ban hành Quyết định số 1145 cho rằng thửa 144 tờ bản đồ 16A là loại đất màu, giải thửa thì thuộc thửa 365, tờ bản đồ 20 (bản đồ 299) trong khi kết luận của Thanh tra không được đề cập. Từ khi được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đến nay, gia đình bà đã sử dụng ổn định, không bị xử phạt vi phạm hành chính. Đất bà được cấp giấy ngày 01/6/2000. Ngày 01-12-2000, Ủy ban nhân dân tỉnh M2 ban hành Quyết định số 995/2000/QĐ-CT về việc phê duyệt điều chỉnh dự án rừng đặc dụng L- X đã mở rộng diện tích vào đất của bà. Vì vậy, Ủy ban nhân dân huyện T thu hồi đất mà không bồi thường cho gia đình bà là trái quy định tại Điều 42 của Luật đất đai năm 2003.

Nay bà khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 1145/QĐ-UBND ngày 26-4-2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T, Quyết định số 182/QĐ-UBND ngày 17/9/2008 của Ủy ban nhân dân huyện T và Quyết định số 280/QĐ-UBND ngày 17/3/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T.

Ngày 05 tháng 4 năm 2019, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T có Văn bản số 656/UBND-TD: Giữ nguyên quan điểm giải quyết tại Quyết định số 1145/QĐ-UBND ngày 26-4-2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T về việc

giải quyết đơn khiếu nại của bà Lê Thị T.

Tại văn bản số 484/UBND-PTNMT ngày 06-6-2019 của Ủy ban nhân dân huyện T, văn bản số 888/UBND-PTNMT ngày 26-8-2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T thể hiện:

Căn cứ Điều 38 của Luật Đất đai năm 2003, khoản 2 Điều 42 của Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29-10-2004, Điều 25 của Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19-10-2009 của Chính phủ. Căn cứ Quyết định số 80/QĐ-UB ngày 27-02-1993 của Uỷ ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt dự án thực thi xây dựng rừng đặc dụng Lịch sử Văn hóa Môi trường L1; Biên bản xác nhận mô tả đường ranh giới số 3 tháng 12/2000; Quyết định số 995/2000/QĐ-CT ngày 01-12-2000 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T về việc phê duyệt điều chỉnh Dự án rừng đặc dụng Lịch sử Lò Gò – X; biên bản xác nhận mô tả đoạn ranh giới số 3 thuộc khu R - X ký tháng 12-2000; biên bản bàn giao mốc ranh giới nông lâm ký ngày 04-5-2006; Quyết định số 10/QĐ-UBND ngày 15-01-2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh T về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Vườn Quốc gia L- Xa Mát. Từ những căn cứ trên, Ủy ban nhân dân huyện T ban hành Quyết định 182/QĐ-UBND ngày 17-9-2008 và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T ban hành Quyết định số 280/QĐ-UBND ngày 17-3-2014 là đúng quy định của pháp luật.

Tại văn bản số 444/VQG-KT ngày 13-8-2019 của Ban Q1 thể hiện:

Thực hiện Quyết định số 672/QĐ-TTg ngày 24-6-2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc lập bản đồ địa chính tỷ lệ 1/10000, Quyết định số 10/QĐ-UBND về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Vườn Quốc gia L-Xa Mát. Công tác đo đạc và cắm mốc tại Vườn Quốc gia L- X để lập bản đồ địa chính, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Quyết định số 672/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ dựa theo tọa độ ranh mốc của dự án đo đạc cắm mốc ranh giới sử dụng đất nông lâm trường tại Dự án rừng đặc dụng Lịch sử L- X trước đây. Qua các thời kỳ, đơn vị xác nhận trường hợp đất bà T đang khiếu nại nằm trong quy hoạch lâm nghiệp từ trước cho đến nay như trong kết luận thanh tra số 01/KL-TTr ngày 28-3-2011 và số 02/KL-TTr ngày 30-10-2012 của Ủy ban nhân dân huyện T. Vì vậy việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Uỷ ban nhân dân tỉnh cho Vườn Quốc gia L - Xa Mát theo quy định của Nhà nước. Các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho cá nhân cần phải được thu hồi để chuyển sang trồng rừng theo quy hoạch lâm nghiệp.

Bản án sơ thẩm số 20/2019/HC-ST ngày 16-10-2019 của Toà án nhân dân tỉnh Tây Ninh đã xử: bác yêu cầu khởi kiện của bà T;

Bản án phúc thẩm số 142/2020/HC-ST ngày 25-5-2020 của Toà án nhân dân cấp cao đã xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T; hủy các quyết định của Uỷ ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện T.

Quyết định giám đốc thẩm số 38/2022/HC-GĐT ngày 29-9-2022 của Toà

án nhân dân tối cao đã hủy bản án hành chính sơ, phúc thẩm giao về xét xử sơ thẩm lại. Lý do Toà án hai cấp đánh giá chứng cứ không đúng. Uỷ ban nhân dân tỉnh có xuất trình thêm chứng cứ mới gồm: Quyết định 261A/QĐ-UB ngày 16-7-1997 và Quyết định 399/QĐ-UB ngày 25-11-1997 của Ủy ban nhân dân tỉnh T, hai văn bản này chưa được Toà án hai cấp đánh giá tính hợp pháp, có căn cứ của tài liệu.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 04/2023/HC-ST ngày 02 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T về việc yêu cầu hủy Quyết định số 1145/QĐ-UBND ngày 26-4-2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T, Quyết định số 182/QĐ-UBND ngày 17-9-2008 của Ủy ban nhân dân huyện T và Quyết định số 280/QĐ-UBND ngày 17-3-2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 16-6-2023 người khởi kiện là bà Lê Thị T kháng cáo bản án sơ thẩm

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người khởi kiện là bà Lê Thị T (có bà Quách Thị Phương T1 đại diện theo ủy quyền) vẫn giữ kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện vì nguồn gốc đất do bà T nhận chuyển nhượng từ ông Nguyễn Văn P vào năm 1989; thời điểm bà T được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì đường ranh nông lâm không nằm trong diện tích đất của bà T; các quyết định hành chính đều ban hành sau khi bà T được cấp Giấy chứng nhận; Ủy ban nhân dân huyện T thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà T trước khi có kết luận của cơ quan thanh tra cùng cấp và cũng không xem xét đến giá trị đất và tài sản trên đất là không đúng quy định; kết luận thanh tra số 02/19/8/2019 được ban hành trái pháp luật nhằm hợp thức hóa cho việc ban hành thông báo 182 về việc thu hồi giấy chứng nhận.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện là Luật sư Đinh Thái H phát biểu ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà T vì Ủy ban nhân dân huyện T ra quyết định thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà T là trái pháp luật. Đất do bà T sử dụng từ năm 1989, năm 2000 được cấp quyền sử dụng, đến năm 2007 Vườn quốc gia mới được cấp giấy chứng nhận là cấp sau bà T, qua các quyết định điều chỉnh của người bị kiện thì diện tích đất cấp cho vườn quốc gia tăng lên 01ha. Như vậy, nếu có cấp trùng thì đất của vườn quốc gia cấp trùng lên đất bà T chứ không phải ngược lại. Mặt khác, Kết luận thanh tra số 01 đã xác định việc cấp đất cho bà T là đúng pháp luật. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, Ủy ban nhân dân huyện T lại ban hành Kết

luận thanh tra số 02 sửa kết luận 01 là trái pháp luật, không đúng thẩm quyền. Ngoài ra, các vấn đề Tòa án nhân dân tối cao đặt ra tại quyết định giám đốc thẩm chưa được Tòa án cấp sơ thẩm làm rõ.

Người bị kiện là Ủy ban nhân dân huyện T và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T (có ông Nguyễn Ngọc T3 đại diện theo ủy quyền) không đồng ý kháng cáo của bà T, yêu cầu Hội đồng xét xử bác kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm vì việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà T là đúng quy định của pháp luật.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân huyện T và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T là ông Nguyễn Huy G phát biểu ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bà T, giữ nguyên bản án sơ thẩm vì bà T cho rằng đất này do bà nhận chuyển nhượng từ ông P năm 1989 nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh và khai nhận này cũng mâu thuẫn với nội dung đăng ký kê khai xin cấp giấy chứng nhận của bà T về nguồn gốc đất là do khai phá. Việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T ban hành kết luận thanh tra số 02 là đúng thẩm quyền, đúng quy đinh của pháp luật.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T là ông Trần Văn Q và ông Nguyễn Hữu T2 thống nhất phát biểu ý kiến: Qua hồ sơ địa chính thể hiện, phần đất bà T khiếu nại do nhà nước quản lý bị cấp nhầm cho bà T nên Ủy ban nhân dân huyện T thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà T là có căn cứ. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T bác khiếu nại của bà T là đúng quy định pháp luật. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bà T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Vườn quốc gia L - X (có ông Tạ Ngọc D1 đại diện theo ủy quyền) không đồng ý kháng cáo của bà T, yêu cầu Hội đồng xét xử bác kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm vì phần đất cấp cho bà T nằm trong quy hoạch lâm nghiệp qua các thời kỳ và do Vườn quốc gia L – Xa M1 sử dụng từ trước đến nay, kế thừa các mốc giới đã có từ các thời kỳ trước nên việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà T đối với phần đất này là không đúng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật Tố tụng hành chính. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Bản án của Tòa án cấp sơ thẩm đã khắc phục đầy đủ các thiếu sót được nêu tại quyết định giám đốc thẩm của Tòa án nhân dân tối cao,

qua đó xử bác yêu cầu khởi kiện của bà T là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà T kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ nào mới chứng minh nên đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, người bị kiện là Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T xin vắng mặt. Căn cứ Điều 225 Luật tố tụng hành chính, Tòa án tiến hành xét xử phúc thẩm vụ án vắng mặt đương sự này.

[2] Phần đất tại thửa 144, tờ bản đồ 16A (tương ứng thửa 365, tờ bản đồ 20/299) thuộc khoảnh 7, tiểu khu B mốc số 28-29 thuộc rừng đặc dụng Vườn quốc gia L - X, đã được Ủy ban nhân dân tỉnh T đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Vườn Quốc gia L- Xa Mát theo Quyết định số 10/QĐ-UBND ngày 15-01-2007.

[3] Theo bản đồ địa chính xác định ranh giới đất nông lâm thể hiện thửa đất 365, diện tích 1.414.680 m^2, tờ bản đồ 20 (bản đồ 299) được Sở quản lý ruộng đất phê duyệt ngày 12-4-1994 ghi loại đất là đất màu tập trung, loại thổ nhưỡng đất rừng. Theo Quyết định số 80/QĐ-UBND ngày 07-02-1993 của Ủy ban nhân dân tỉnh T về việc phê duyệt dự án thực thi xây dựng rừng Đặc dụng Lịch sử Văn hóa Môi trường Lò Gò - Xa Mát quy mô 18.339 ha, Quyết định 261A/QĐ-UB ngày 16-7-1997 và Quyết định 399/QĐ-UB ngày 25-11-1997 của Ủy ban nhân dân tỉnh T về phê duyệt dự án rừng đặc dụng lịch sử Lò Gò – Xa Mát diện tích 17.654 ha được thay thế bằng Quyết định số 995/QĐ-UB ngày 01-12-2000 của Ủy ban nhân dân tỉnh T thì diện tích tăng lên 17.911 ha.

Tại Biên bản xác nhận mô tả đường ranh giới số 3 tháng 12-2000; Biên bản bàn giao mốc ranh giới nông lâm ngày 04-5-2006; Biên bản họp thống nhất xác định đường ranh nông lâm giữa Vườn Quốc gia L – Xa Mát với các xã ngày 30-11-2010 có kết luận năm 1994 chưa xác định đường ranh nông lâm. Năm 1998, có đường ranh nông lâm nhưng không trùng đường ranh theo bản đồ của Vườn quốc gia, tháng 12-2000 đường ranh được xác định rõ ràng và từ năm 2000-2010 qua 02 hệ thống bản đồ đường ranh không thay đổi.

[4] Như đã nêu tại mục [2], [3] có cơ sở xác định phần đất thuộc thửa 144 mà bà T được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01391 QSDĐ/37/QĐ-UB(H) ngày 01-6-2000 nằm trong phần đất lâm nghiệp của Vườn quốc gia L - X.

[5] Bà T cho rằng nguồn gốc phần đất trên do bà T nhận chuyển nhượng từ ông Nguyễn Văn P từ năm 1989, lúc mua ông P không có giấy tờ về đất này nhưng trong đơn đăng ký quyền sử dụng đất (Bút lục 125) bà T lại khai nguồn gốc sử dụng đất do "khai phá năm 1988".

Xét, tại tờ bản đồ số 20 (bản đồ không ảnh 299 được phê duyệt năm 1994) thì phần đất nêu trên (trước khi đo đạc giải thửa thành thửa 144) nằm trong thửa 365 có tổng diện tích 1.414.680 m^2 (thửa đo bao), ghi loại ruộng đất là đất màu tập trung, loại thổ nhưỡng là đất rừng, ghi tên người sử dụng là ông Bùi Đình N1. Do đó, nội dung bà T kê khai về nguồn gốc đất là không đúng. Hơn nữa, nếu phần đất này bà T nhận chuyển nhượng từ ông P năm 1989, thì đây là hành vi bị cấm theo quy định tại Điều 5 của Luật Đất đai năm 1987: "Nghiêm cấm việc mua, bán, lấn chiếm đất đai đất đai... tự tiện sử dụng đất nông nghiệp, đất có rừng vào mục đích khác"và tại Điều 30 của Luật Đất đai năm 1993 quy định không được chuyển quyền sử dụng đất trong những trường hợp sau đây "đất không có giấy tờ hợp pháp".

Ngoài ra, khi xem xét cấp giấy cho bà T, cơ quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân huyện T không thẩm tra, đối chiếu xem xét về nguồn gốc quy hoạch sử dụng đất, hiện trạng sử dụng đất, không làm việc với Ban Q1 là vi phạm Mục IV.1 Phần 1 và Mục I.2.2 Phần 2 của Thông tư số 346/1998/TT-TCĐC ngày 16-3-1998 của Tổng cục địa chính về hướng dẫn thủ tục đăng ký đất đai và lập hồ sơ địa chính và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trường hợp đất này bà T nhận chuyển nhượng thì để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà T phải có giấy tờ phù hợp tại khoản 2 Điều 3 của Nghị định số 17/1999/NĐ-CP ngày 29/3/1999 của Chính Phủ.

[6] Tại Kết luận thanh tra số 02/KL-UBND ngày 19-8-2019 của Ủy ban nhân dân huyện T về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Kết luận thanh tra số 01/KL-TTr ngày 28-3-2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T đã xác định: "07/09 hồ sơ cấp GCNQSDĐ thuộc xã T, theo các Quyết định cấp giấy CNQSDĐ số 42 ngày 28-02-1997; số 48, ngày 03-02-1999; số 152 ngày 28-5-1999; số 26, ngày 24-4-2000; *số 37 ngày 01-6-2000*... Như vậy, việc xét cấp giấy CNQSDĐ nói trên là sai quy định pháp luật, do tại thời điểm cấp giấy CNQSDĐ có sau ngày ban hành Quyết định số 80/QĐ-UB ngày 27-02-1993 của Ủy ban nhân dân tỉnh T về việc phê duyệt dự án thực thi xây dựng rừng đặc dụng lịch sử văn hóa môi trường L - X, diện tích đất đã cấp giấy CNQSDĐ là đất rừng do Nhà nước quản lý nằm trong khu vực quy hoạch đất lâm nghiệp thuộc Vườn quốc giá L - X".

[7] Theo nội dung kết luận trên, Ủy ban nhân dân huyện T đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà T trùng vào đất Ủy ban nhân dân tỉnh T

giao cho Vườn Quốc gia L – Xa Mát theo Quyết định số 80/QĐ-UB ngày 27-02-1993; Quyết định 261A/QĐ-UB ngày 16-7-1997 được thay thế bằng Quyết định số 995/QĐ-UB ngày 01-12-2000 của Ủy ban nhân dân tỉnh T và Quyết định 399/QĐ-UB ngày 25-11-1997 của Ủy ban nhân dân tỉnh T.

[8] Người khởi kiện cho rằng các Quyết định số 80/QĐ-UB, 261A/QĐ-UB, 995/QĐ-UB thay đổi diện tích liên tục đã lấn vào đất của bà T. Tuy nhiên, qua 3 giai đoạn quy hoạch (1993, 1997, 2000 thể hiện tại các Quyết định số 80/QĐ-UB, 261A/QĐ-UB, 995/QĐ-UB) nhưng toạ độ địa lý (Kinh độ đông: $105^{o}\,57^{'}$ – $106^{o}\,04^{'}$ .Vĩ độ bắc: $11^{o}\,02^{'}$ – $11^{o}\,47^{'}$) không thay đổi, phần đất bà T được cấp nằm trong khu quy hoạch rừng đặc dụng lịch sử L - X. Do đó, việc Ủy ban nhân dân huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01391 QSDĐ/37/QĐ-UB(H) ngày 01-6-2000 diện tích 20.314 m^2 thuộc thửa 144, tờ bản đồ 16A (tương ứng một phần thửa 365 tờ bản đồ số 20) toạ lạc tại xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh cho bà T là không đúng quy định của pháp luật (không đúng đối tượng).

[9] Ngày 17-9-2008, Ủy ban nhân dân huyện T ban hành Quyết định 182/QĐ-UBND thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà T là không đúng trình tự, thủ tục (quyết định thu hồi trước khi có kết luận thanh tra). Nhưng theo nội dung nhận định nêu trên, về bản chất thì việc Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà T là không đúng quy định pháp luật. Do vậy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T bác yêu cầu khiếu nại của bà T về việc đề nghị hủy Quyết định 182/QĐ-UBND là có căn cứ.

[10] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy, bản án của Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử là có cơ sở, đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà T kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào mới chứng minh nên bác kháng cáo và giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm như đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

[11] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[12] Án phí hành chính phúc thẩm: Bà Lê Thị T, sinh năm 1957 là người cao tuổi nên được miễn, theo quy định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính 2015.

Bác yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện là bà Lê Thị T; Giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm số 04/2023/HC-ST ngày 02-6-2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

Áp dụng Điều 5 của Luật Đất đai năm 1987, Điều 30 của Luật Đất đai năm 1993; khoản 2 Điều 3 của Nghị định số 17/1999/NĐ-CP ngày 29-3-1999 của Chính Phủ; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T về việc yêu cầu hủy Quyết định số 1145/QĐ-UBND ngày 26-4-2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T, Quyết định số 182/QĐ-UBND ngày 17-9-2008 của Ủy ban nhân dân huyện T và Quyết định số 280/QĐ-UBND ngày 17-3-2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T.

2. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Án phí hành chính phúc thẩm: Bà Lê Thị T được miễn.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
– Tòa án nhân dân tối cao (1);
– VKSNDCC tại Thành phố Hồ Chí Minh (1);
– TAND tỉnh Tây Ninh (1);
– VKSND tỉnh Tây Ninh (1);
– Cục THADS tỉnh Tây Ninh (1);
– Các đương sự (5);
– Lưu: hồ sơ vụ án (1), VP (5), 16b (PPC);

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Phan Nhựt Bình